

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên trường: Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mã trường: STS
- Địa chỉ: Số 639 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: <http://upes.edu.vn>
- Địa chỉ trang mạng xã hội: <https://www.facebook.com/upes.edu.vn>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: (028)38556300; (028)38555432; (028)39509947
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai: <http://upes.edu.vn/bacongkhai>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Tỷ lệ sinh viên có việc làm
Ngành Giáo dục thể chất	Đại học	210	221	129	83.00

- Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai:

<http://dtkt.upes.edu.vn/thongtintuyensinhchinhquynam2022>

<http://dtkt.upes.edu.vn/thongtintuyensinhchinhquynam2023>

1. Phương thức tuyển sinh 2 năm gần nhất: Kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

BML

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Lĩnh vực/ Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm tuyển sinh 2022			Năm tuyển sinh 2023		
		Chỉ tiêu (322)	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu (126)	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Ngành Giáo dục thể chất	301	12	1	Tuyển thẳng	1	1	Tuyển thẳng
	405	140	133	22.75	75	73	22.75
	406	170	162	23.35	50	48	23.84

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai: <http://upes.edu.vn/bacongkhai>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng Năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	Giáo dục thể chất	7140206	800/QĐ- BGD&ĐT	21/02/2006	1152/QĐ- BGD&ĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006	2023

Bml

10. Điều kiện đảm bảo chất lượng: Đường link công khai: <http://upes.edu.vn/bacongkhai>

10.1. Quy mô đào tạo chính quy đến 31/12/2023

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		233
1	Tiến sĩ		32
1.1	Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	914	
1.1.1	Ngành Giáo dục học	9140101	32
2	Thạc sĩ		201
2.1	Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	814	
2.1.1	Ngành Giáo dục học	8140101	201
B	ĐẠI HỌC		1.699
3	Đại học chính quy		1.125
3.1	Chính quy		1.125
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		0
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		1.125
3.1.2.1	Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	714	
3.1.2.1.1	Ngành Giáo dục thể chất	7140206	1.125
4	Đại học vừa làm vừa học		574
4.1	Vừa làm vừa học		474
4.1.1	Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	714	474
4.1.1.1	Ngành Giáo dục thể chất	7140206	474
4.2	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		100
4.2.1	Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	714	100
4.2.1.1	Ngành Giáo dục thể chất	7140206	100

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

Tổng diện tích đất của trường (xây dựng/tổng): 33.111 / 235.500 m²

- Cơ sở 1: 3.084 / 9.115 m²

- Cơ sở 2: 30.027 / 226.500 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 480.

BmC

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	25	1.222
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0	0
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	05	631
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	03	214
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	05	240
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	12	137
2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	235
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	01	1.627
4	Diện tích cơ sở mới đang xây dựng	01	226.500
Tổng			230.807

10.2.2. Các thông tin khác

- Phòng thí nghiệm: Hiện tại trường có 2 phòng thí nghiệm.

+ Phòng thí nghiệm Y – Sinh học (gồm các thiết bị đo và xác định khả năng chức phận của hệ tuần hoàn, hô hấp và thần kinh cơ...);

+ Phòng thí nghiệm Thể lực - Thể hình (hệ thống NAUNIUS).

- Với những trang thiết bị hiện đại, đầy đủ trong đó có những thiết bị mới, các phòng thí nghiệm có đủ khả năng đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu của các nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên không chỉ cho ngành GDTC, mà còn đáp ứng cho cả các ngành đào tạo khác liên quan đến thể dục thể thao (TDTT).

pmc

10.3. Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành đại học
1	Huỳnh Trọng Khải	GS	TS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
2	Châu Vĩnh Huy	PGS	TS	Quản lý kinh tế thể thao	Giáo dục thể chất
3	Nguyễn Quang Vinh	PGS	TS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
4	Nguyễn Hoàng Minh Thuận	PGS	TS	Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất
5	Nguyễn Kế Bình		TS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
6	Lưu Trí Dũng		TS	Giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao	Giáo dục thể chất
7	Trần Quang Đại		TS	Giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao	Giáo dục thể chất
8	Huỳnh Hồng Ngọc		TS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
9	Ngô Hữu Phúc		TS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
10	Phạm Minh Quyền		TS	Khoa học nhân thể vận động	Giáo dục thể chất
11	Võ Anh Thư		TS	Quản lý kinh tế giáo dục	Giáo dục thể chất
12	Thái Thị Diễm Thúy		TS	Huấn luyện thể dục thể thao	Giáo dục thể chất
13	Nguyễn Thị Mỹ Em		TS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
14	Phạm Thái Vinh		TS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
15	Vũ Hồng Thái		TS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
16	Nguyễn Phạm Thanh Thúy An		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
17	Hồ Hải Vân Anh		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
18	Nguyễn Thị Minh Cẩm		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
19	Lê Minh Chí		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
20	Trương Thanh Chí		ThS	Tâm lý học	Giáo dục thể chất
21	Nguyễn Minh Chương		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
22	Trịnh Huy Cường		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
23	Huỳnh Cát Dung		ThS	Tâm lý học	Giáo dục thể chất
24	Lê Tiên Dũng		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
25	Phan Thị Huỳnh Thùy Dương		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
26	Lê Tiên Đạt		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
27	Giang Chí Hải		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành đại học
28	Lê Thị Thu Hằng		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
29	Huỳnh Trung Hiếu		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
30	Trần Ngọc Hoa		ThS	Kinh tế chính trị	Giáo dục thể chất
31	Nguyễn Minh Huân		ThS	Vật lý Hạt nhân, Nguyên tử và Năng lượng cao	Giáo dục thể chất
32	Lại Nhật Khánh Hùng		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
33	Trần Lý Hùng		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
34	Ngô Trần Thiên Hương		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
35	Trần Thị Hương Giang		ThS	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo dục thể chất
36	Bùi Minh Khoa		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
37	Phan Thị Tuyết Lan		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
38	Nguyễn Thế Lương		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
39	Nguyễn Thiên Lý		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
40	Nguyễn Thị Kim Ngọc		ThS	Quản lý văn hóa	Giáo dục thể chất
41	Trần Thái Ngọc		ThS	Công nghệ sinh học	Giáo dục thể chất
42	Lê Huỳnh Phương		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
43	Nguyễn Văn Phương		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
44	Đỗ Thành Quang		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
45	Nguyễn Võ Tố Quyên		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
46	Trương Cẩm Quỳnh		ThS	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục thể chất
47	Lê Hồng Thạch Thảo		ThS	Luật Kinh tế	Giáo dục thể chất
48	Lê Phước Thật		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
49	Nguyễn Đắc Thịnh		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
50	Võ Thị Ngọc Thơ		ThS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Giáo dục thể chất
51	Từ Thị Thoa		ThS	Quản lý công	Giáo dục thể chất
52	Lê Thị Thúy		ThS	Công nghệ thông tin	Giáo dục thể chất
53	Tô Thị Bích Thủy		ThS	Công nghệ sinh học	Giáo dục thể chất
54	Nguyễn Văn Tiên		ThS	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục thể chất
55	Lê Văn Tiên		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
56	Nguyễn Hữu Tín		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất

Buc

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành đại học
57	Huỳnh Thị Diệu Trang		ThS	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục thể chất
58	Nguyễn Thị Thùy Trang		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
59	Hồ Đắc Nam Trân		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
60	Nguyễn Thị Thủy Trâm		ThS	Công nghệ sinh học	Giáo dục thể chất
61	Đặng Anh Tuấn		ThS	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục thể chất
62	Lê Minh Tuấn		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
63	Vũ Đình Hoàng Tùng		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
64	Trần Thanh Tuyên		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
65	Bùi Quốc Việt		ThS	Quản lý giáo dục	Giáo dục thể chất
66	Phan Thanh Việt		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
67	Lâm Văn Vũ		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
68	Trần Thị Mỹ Xuân		ThS	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
69	Kiến Thị Ngọc Xuyên		ThS	Hóa sinh học	Giáo dục thể chất

10.4. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tính chỉ tiêu tuyển sinh: Không.

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường: <http://dtkt.upes.edu.vn/tuyensinhchinhquy>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của trường trên trang thông tin điện tử của trường: <http://dtkt.upes.edu.vn/tuyensinhchinhquy>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường: <http://dtkt.upes.edu.vn/tuyensinhchinhquy>

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi trên trang thông tin điện tử của trường: <http://dtkt.upes.edu.vn/tuyensinhchinhquy>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh trình độ đại học chính quy

1.1. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) là thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, có đủ sức khoẻ theo quy định hiện hành, không bị khuyết tật ảnh hưởng đến vận động, có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

- Điều kiện tuyển sinh:

+ Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục 1.5 phần này.

+ Tham dự đủ các nội dung của môn Năng khiếu Thể dục thể thao do nhà trường tổ chức.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Ngành Giáo dục Thể chất hình thức đào tạo chính quy.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.



1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến) 300	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	301	Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh	(5%)								
2	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	(60%)	T00		T02		T05		T08	
3	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	406	Kết hợp kết quả học tập THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	(35%)	T00		T02		T05		T08	

BMC

1.5. Ngưỡng đầu vào

Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 405: Theo Thông báo ngưỡng đầu vào (điểm sàn) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau khi có kết quả kỳ thi THPT Quốc gia 2024.

Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 406: Học sinh có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2024 từ 6,5 trở lên.

Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế; thí sinh có điểm thi môn Năng khiếu TDTT đạt từ 9 điểm không áp dụng ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào ngành của Trường:

Nội dung thi năng khiếu TDTT: Kiểm tra thể hình; Chạy 30m tốc độ cao (giây); Bật cao (cm); Bóp lực kế (kg); Dẻo gập thân (cm).

Tổ hợp môn xét tuyển:

Tổ hợp 1 (T00): Toán học + Sinh học + Năng khiếu TDTT.

Tổ hợp 2 (T02): Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT.

Tổ hợp 3 (T05): Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT.

Tổ hợp 4 (T08): Toán học + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển

* Đăng ký thông tin dự thi và tổ chức thi môn Năng khiếu TDTT

Thời gian đăng ký thông tin dự thi môn Năng khiếu TDTT: Từ ngày ra thông báo đến 17g00 ngày 01/07/2024 (dự kiến).

Hình thức đăng ký thông tin dự thi môn Năng khiếu TDTT: Link trực tuyến.

Ngày thi môn Năng khiếu TDTT: Từ ngày 05/07/2024 đến ngày 06/07/2024 (thứ sáu và thứ bảy). Tại địa điểm thi: 639 Nguyễn Trãi, P11, Q5, Tp. Hồ Chí Minh

* Tổ chức đăng ký xét tuyển

Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chọn tổng điểm cao nhất trong 4 tổ hợp.

Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển (Trong trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách) lần lượt là: Điểm thi môn Năng khiếu TDTT; Điểm của môn thứ nhất, điểm của môn thứ 2.

Tất cả thí sinh dùng tài khoản được cấp đăng ký, điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển (không giới hạn số lần) trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024 (thí sinh tự do) đến Sở Giáo dục và Đào tạo (nơi thường trú) để được hướng dẫn cấp tài khoản thực hiện đăng ký thông tin cá nhân để thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển.

Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

* Ưu tiên theo khu vực và đối tượng

Bml

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển**

Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành (dành cho các VĐV đạt thành tích thể thao cấp quốc gia trở lên). Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng, diện ưu tiên xét tuyển phải tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh và thành tích TDTT đạt được phải trong thời gian 4 năm tính đến ngày xét tuyển.

Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển: Trước 17:00 ngày 01/07/2024, nộp trực tiếp tại phòng Đào tạo – Khảo thí hoặc gửi đảm bảo dịch vụ phát chuyển nhanh.

Xét tuyển thẳng: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được xét tuyển thẳng vào trường.

Hồ sơ: Phiếu đăng ký (theo mẫu), giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ do được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp (chứng thực).

Ưu tiên xét tuyển: Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục TDTT hoặc các Liên đoàn thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia đã tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT được ưu tiên xét tuyển vào trường.

Hồ sơ: Phiếu đăng ký, Giấy chứng nhận đoạt giải cấp toàn quốc hoặc Quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia do Tổng cục TDTT hoặc các Liên đoàn thể thao cấp (chứng thực).

Điểm ưu tiên xét tuyển môn năng khiếu TDTT cho đối tượng ưu tiên xét tuyển:

+ Điểm 10: Thí sinh đoạt huy chương vàng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Cục Thể dục thể thao hoặc các Liên đoàn thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia.

+ Điểm 9: Thí sinh đoạt huy chương bạc, đồng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí dự thi năng khiếu TDTT: 300.000đ/thí sinh.

- Lệ phí xét tuyển: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Địa điểm nộp lệ phí dự thi Năng khiếu TDTT: Phòng Kế hoạch – Tài chính, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, số 639 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc nộp vào tài khoản của Trường số 060238737111, ngân hàng Sacombank, chi nhánh Phú Nhuận.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

Sinh viên được hưởng chính sách về học phí và sinh hoạt phí theo Nghị định 116. Sinh viên không đăng ký hưởng chính sách về học phí và sinh hoạt phí theo Nghị định 116 phải đóng mức học phí 12 triệu đồng/năm.

Thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hồ sơ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Đợt 1: Tháng 07 năm 2024.
- Đợt 2: Tháng 10 năm 2024.

Đối tượng tham gia đăng ký xét tuyển bổ sung gồm: Thí sinh chưa trúng tuyển; Thí sinh đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào; Thí sinh đã xác nhận nhập học tại một cơ sở đào tạo nhưng mong muốn được xét tuyển thì phải được cơ sở đào tạo nơi nhập học cho phép bằng văn bản.

1.12. Các nội dung khác:

Sinh viên được hưởng chính sách về học phí và sinh hoạt phí theo Nghị định 116. Cụ thể là được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí của nhà Trường và được Nhà nước hỗ trợ 3.630.000 đ/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường (không quá 10 tháng/năm học) theo quy định hiện hành.

Nhà trường có chỗ ở ký túc xá sau khi thí sinh trúng tuyển vào trường.

Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất có khả năng đảm nhiệm các công việc:

- Giáo viên dạy môn Giáo dục thể chất tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, ...
- Huấn luyện viên tại các trung tâm huấn luyện thể dục thể thao, câu lạc bộ thể dục thể thao, ...
- Chuyên viên phụ trách công tác giáo dục thể chất và thể thao tại các cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao, ...
- Công tác tổ chức, công tác trọng tài các giải thi đấu thể dục thể thao.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: Không.

1.14. Tài chính

Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 15.479.322.666 đồng.

Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh là 9.800.000 đồng.

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

Đường link công khai: <http://dtkk.upes.edu.vn/tuyensinhvvlv>

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: Đối tượng tuyển sinh: Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) là thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, có đủ sức khoẻ theo quy định hiện hành, không bị khuyết tật ảnh hưởng đến vận động, có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.



- Điều kiện tuyển sinh:

+ Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục 1.5 phần này.

+ Tham dự đủ các nội dung của môn Năng khiếu Thể dục thể thao do nhà trường tổ chức.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Ngành Giáo dục Thể chất hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.



1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (*): Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến) 200	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	301	Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh	(5%)								
2	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	(60%)	T00		T02		T05		T08	
3	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	406	Kết hợp kết quả học tập THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	(35%)	T00		T02		T05		T08	

BML

1.5. Ngưỡng đầu vào:

Thí sinh đăng ký xét tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2024 từ 6,5 trở lên.

Riêng thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế; thí sinh có điểm thi môn Năng khiếu TDTT đạt từ 9 điểm không áp dụng ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

Tổ hợp môn xét tuyển:

Tổ hợp 1 (T00): Toán học + Sinh học + Năng khiếu TDTT.

Tổ hợp 2 (T02): Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT.

Tổ hợp 3 (T05): Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT.

Tổ hợp 4 (T08): Toán học + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT.

1.7. Tổ chức tuyển sinh

* Đăng ký thông tin dự thi Năng khiếu và tổ chức thi năng khiếu TDTT

- Thời gian đăng ký thông tin dự thi môn Năng khiếu TDTT từ ngày ra thông báo đến 17g00 ngày 17/04/2024 (dự kiến).

- Hình thức đăng ký thông tin dự thi môn Năng khiếu TDTT: Link trực tuyến.

- Ngày thi môn Năng khiếu TDTT: ngày 20/04/2024 (dự kiến).

- Nội dung thi năng khiếu TDTT: Kiểm tra thể hình; Chạy 30m tốc độ cao (giây); Bật cao (cm); Bóp lực kè (kg); Dẻo gập thân (cm).

* Tổ chức đăng ký xét tuyển

- Thí sinh có tham dự thi môn Năng khiếu TDTT kỳ thi chính quy do nhà trường tổ chức được sử dụng kết quả (thành tích) để xét tuyển hình thức vừa làm vừa học sau đó.

- Thí sinh được chọn tổng điểm cao nhất trong 4 tổ hợp để đăng ký nguyện vọng xét tuyển.

- Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển (Trong trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách) lần lượt là: Điểm thi môn Năng khiếu TDTT; Điểm của môn thứ 1, điểm của môn thứ 2.

- Hoàn thành nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển tại Trường từ ngày ra thông báo đến 17g00 ngày 17/04/2024. Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu);

+ Học bạ lớp 12 (công chứng);

+ Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời hoặc bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

1.8. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh: Như chính quy.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

- Lệ phí dự thi năng khiếu TDTT: 300.000đ/thí sinh.

- Lệ phí cơ sở vật chất, công tác tuyển sinh tại địa phương (nếu có): 700.000đ/thí sinh.

- Lệ phí xét tuyển: Dự kiến 30.000đ/nguyện vọng.

- Địa điểm nộp lệ phí: Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, số 639 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh **hoặc** nộp vào tài khoản của Trường số 060238737111, ngân hàng Sacombank, chi nhánh Phú Nhuận.

1.10. Học phí:

- Học phí: 6.000.000đ/học kỳ/sinh viên.

- Thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hồ sơ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- **Đợt 1:** Tháng 04 năm 2024.

- **Đợt 2:** Tháng 07 năm 2024.

- **Đợt 3:** Tháng 10 năm 2024.

- **Đợt 4:** Tháng 12 năm 2024.

1.12. Các nội dung khác

Nhà trường có chỗ ở ký túc xá sau khi thí sinh trúng tuyển vào trường.

Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất có khả năng đảm nhiệm các công việc:

- Giáo viên dạy môn Giáo dục thể chất tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, ...

- Huấn luyện viên tại các trung tâm huấn luyện thể dục thể thao, câu lạc bộ thể dục thể thao, ...

- Chuyên viên phụ trách công tác giáo dục thể chất và thể thao tại các cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao, ...

- Công tác tổ chức, công tác trọng tài các giải thi đấu thể dục thể thao.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ Cao đẳng

2.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Đối tượng tuyển sinh: Người đã tốt nghiệp cao đẳng ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm thể dục, Sư phạm thể dục ghép môn có nguyện vọng đăng ký xét tuyển đại học ngành Giáo dục thể chất. Có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành, không bị khuyết tật ảnh hưởng đến vận động, có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định

- Điều kiện dự tuyển: Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục 2.5 phần này.

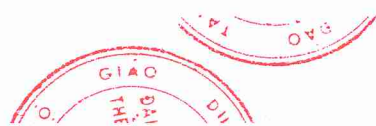
2.2. Phạm vi tuyển sinh: Ngành Giáo dục Thể chất hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

2.3. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển (Sơ tuyển môn Năng khiếu TĐTT)

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7140206	GDTTC	500	Phương thức khác	50	2821/QĐ-BGD&ĐT	31/5/2007	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2007

Handwritten signature



2.5. Ngưỡng đầu vào (Điểm b, khoản 5, Điều 9 – Quy chế tuyển sinh)

Thí sinh đạt sơ tuyển năng khiếu TDTT từ 5 điểm và đạt một trong các tiêu chí sau:

- Tốt nghiệp trình độ cao đẳng đạt loại khá trở lên;
- Học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên;
- Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT từ 6.5 trở lên;
- Tốt nghiệp THPT loại khá;
- Học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

Riêng đối với người đã tốt nghiệp trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019 thì áp dụng ngưỡng đầu vào đạt sơ tuyển năng khiếu TDTT từ 5 điểm.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Tên trường: Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Tp. Hồ Chí Minh
- Mã Trường: **STS**.
- Mã số ngành đại học: **7140206**.
- Phương thức xét tuyển (mã 500): Sử dụng kết quả sơ tuyển môn năng khiếu TDTT để xét tuyển.

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

- Nộp hồ sơ thi năng khiếu TDTT tại Trường từ ngày ra thông báo đến 17g00 ngày 30/05/2024.
- Ngày thi môn Năng khiếu TDTT: Từ ngày 01/06/2024 (dự kiến).
- Nội dung sơ tuyển năng khiếu: Kiểm tra thể hình, Chạy 30m tốc độ cao (giây); và Bóp lực kế (kg).
- * Hồ sơ đăng ký gồm:
 - Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu).
 - Bản sao bằng tốt nghiệp bằng tốt nghiệp (chứng thực);
 - Bảng điểm toàn khóa tốt nghiệp (chứng thực);
 - Học bạ hoặc bằng tốt nghiệp THPT nếu phải xét ngưỡng đầu vào (chứng thực);
 - Bản sao giấy khai sinh (dấu đỏ hoặc chứng thực);
 - Hai ảnh cỡ 3x4 (không quá 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);
 - Giấy khám sức khỏe do Trung tâm y tế quận, huyện cấp.
 - Lệ phí đăng ký xét tuyển và sơ tuyển năng khiếu

2.8. Chính sách ưu tiên: Không

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí dự thi năng khiếu TDTT: 300.000đ/thí sinh.
- Lệ phí cơ sở vật chất, công tác tuyển sinh tại địa phương (nếu có): 700.000đ/thí sinh.

BML

- Địa điểm nộp lệ phí: Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, số 639 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc nộp vào tài khoản của Trường số 060238737111, ngân hàng Sacombank, chi nhánh Phú Nhuận.

2.10. Học phí

- Học phí: 6.000.000đ/học kỳ/sinh viên.

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- **Đợt 1:** Từ tháng 06 năm 2024;
- **Đợt 2:** Từ tháng 10 năm 2024.
- **Đợt 3:** Từ tháng 12 năm 2024.

Tp. HCM, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Cán bộ kê khai

Nguyễn Bảo Thư



ĐT: 0918504054

E_mail: thubn@upes.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Châu Vĩnh Huy

